

Bảng dữ liệu sản phẩm

1130 Series — SERIES 30 LOẠI CÀNG THÔNG DỤNG (Kiểu Mỹ)

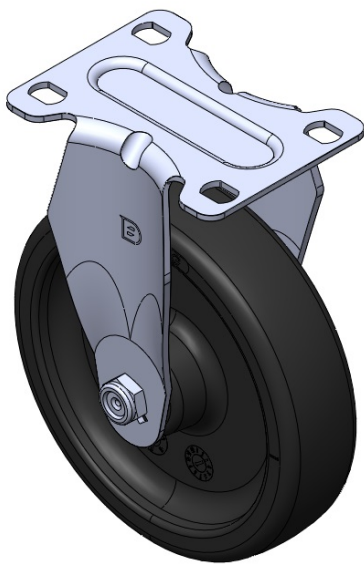
Bánh xe PP đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 125 x 31mm

EAN  
TW-4113005001001

Bánh xe cố định với khung dập liền khối và các lỗ cao cấp.  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp dễ.  
Lõi bánh xe và gai bánh xe bằng polypropylen.  
Bánh xe ống giữa màu đen.

Bề mặt bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (PA6)  
Lõi bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (PA6)

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

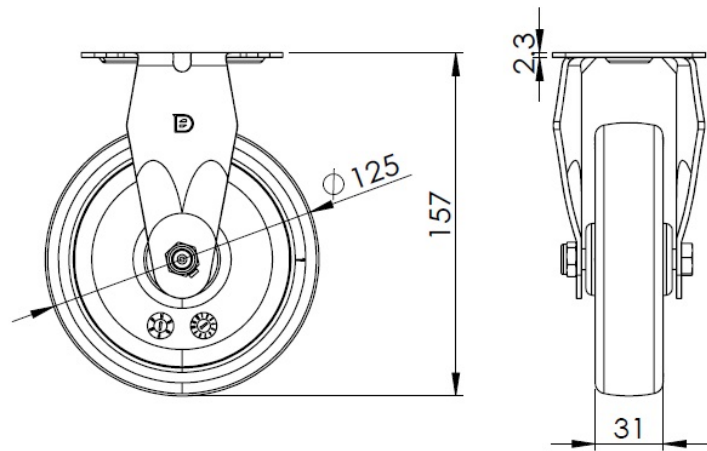
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> để quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 125mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 92 x 70mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 75 x 45mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 12 x 9mm                    |
| Tổng chiều cao                                                            | 157mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 65±5° Shore D               |
| Tải trọng (động)                                                          | 100kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 137kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -10°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Cố định                     |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đầy                                                   | 0.52kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

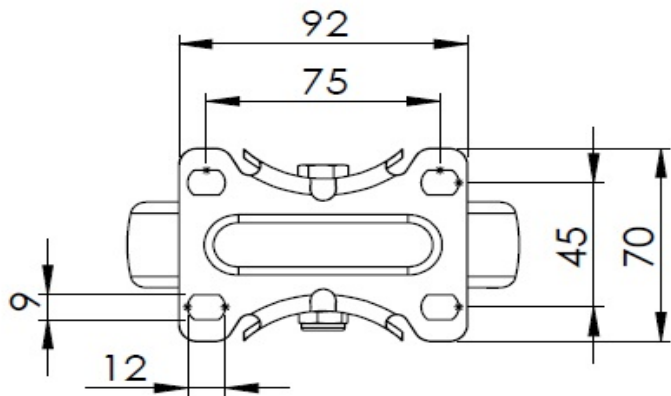
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ○ ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ○ ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đầy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét